

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Đá Trãi, xã Cát Hưng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tân Long Granite

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Đá Trãi, xã Cát Hưng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tân Long Granite tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 21/01/2021;*

*Xét nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Đá Trãi, xã Cát Hưng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 10/CV-TL ngày 08/4/2021 của Công ty TNHH Tân Long Granite;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 323/TTr-STNMT ngày 28/4/2021.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối (sau đây gọi là Dự án)

của Công ty TNHH Tân Long Granite (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Đá Trãi, xã Cát Hưng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND xã Cát Hưng theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Hưng;
- Chủ dự án;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA**  
**DỰ ÁN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU**  
**XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG CÓ THU HỒI ĐÁ KHỐI TẠI**  
**NÚI ĐÁ TRẢI, XÃ CÁT HUNG, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
**CỦA CÔNG TY TNHH TÂN LONG GRANITE**

(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày    /    /2021 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Đá Trãi, xã Cát Hưng, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Long Granite.

1.3. Địa chỉ liên hệ: số 147 Tăng Bạt Hổ, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3741389.

1.4. Quy mô, công suất khai thác:

- Diện tích dự án: 7,82 ha (bao gồm: diện tích khai thác 4,9 ha và diện tích sân công nghiệp 2,92 ha).

- Thời gian khai thác: 26 năm.

- Thời gian hoạt động khai thác và chế biến: 8 giờ (từ 7h00- 11h30 và từ 13h30 - 17h00 hàng ngày).

- Công suất khai thác:

+ Sản phẩm chính: 39.000 m<sup>3</sup> đá địa chất/năm (bao gồm: đá khối làm đá ốp lát 5.542 m<sup>3</sup> đá địa chất/năm và đá vật liệu xây dựng thông thường 33.458 m<sup>3</sup> đá địa chất/năm).

+ Sản phẩm phụ: 1.000 - 20.000 m<sup>3</sup> đất địa chất/năm (tùy thuộc vào diện tích, thời gian khai thác).

1.5. Phương pháp khai thác và chế biến:

- Phương pháp khai thác: lộ thiên, áp dụng hệ thống khai thác hỗn hợp (phần trên cao áp dụng hệ thống khai thác theo lớp đứng, phần dưới áp dụng hệ thống khai thác theo lớp bằng), công nghệ khoan nổ tách kết hợp cưa xẻ; mở moong đầu tiên đồng thời tại 02 vị trí ở phía Bắc dự án (cos +90m và cos +75m); cos kết thúc khai thác +30m.

- Phương pháp chế biến: Đá vật liệu xây dựng thông thường không đủ tiêu chuẩn làm đá ốp lát → Chế biến thủ công (đục, đẽo) → Sản phẩm (đá chẻ, đá cubic, đá hộc, đá loca).

1.6. Hạng mục, công trình của dự án:

- Hạng mục công trình phụ trợ: Tuyến đường tạm trong mỏ, chiều dài 557 m; nhà nghỉ công nhân; nhà bảo vệ; kho mìn; nhà kho; trạm biến áp.

- Hàng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Nhà vệ sinh có hầm tự hoại; khu vực lưu chứa chất thải nguy hại; 02 hố giảm tốc, 01 hồ lắng 02 ngăn; 01 bãi thải chứa đá vụn; 03 bãi chứa đất tầng phủ phục hồi môi trường và 01 khu vực lưu chứa bột đá.

### 1.7. Về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Theo Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 03 loại rừng giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Bình Định, khu vực dự án có 0,26 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất. Do vậy, chủ dự án phải lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định đối với diện tích 0,26 ha này.

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác đá

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án: chủ yếu phát sinh trong quá trình hoạt động khai thác, chế biến thủ công và vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ.

### 2.2. Quy mô, tính chất nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt: Công ty có 30 công nhân trong quá trình khai thác và chế biến, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,4 m<sup>3</sup>/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

b) Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng: 9.199 m<sup>3</sup>/ngày (tính cho lưu lượng ngày mưa lớn nhất).

c) Nước thải từ hoạt động cưa xẻ đá khối có lẫn bột đá khoảng: 0,2 m<sup>3</sup>/ngày.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi; khí thải:

- Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến thủ công và vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ.

- Khí thải phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển sản phẩm và quá trình đốt cháy nhiên liệu của các động cơ của các thiết bị khai thác, phương tiện vận chuyển.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt (giấy, thức ăn thừa, vỏ trái cây, bao bì nhựa, vỏ cơm hộp, ...) phát sinh khoảng 9,0 - 18,0 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

- Chất thải rắn sản xuất: Bột đá phát sinh từ quá trình cưa xẻ đá khoảng 77,5 m<sup>3</sup>/năm; đá vụn phát sinh trong quá trình chế biến thủ công khoảng 7.403 m<sup>3</sup>/năm.

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Các loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại khu vực dự án:

+ Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã số CTNH: 18 02 01): Khối lượng phát sinh khoảng 100 kg/năm.

+ Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã số 16 01 06): Khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/năm.

+ Bình ắc quy hỏng thải (Mã số 19 06 01): Khối lượng phát sinh khoảng 25 kg/năm.

+ Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải khác (Mã CTNH: 17 02 04): Khối lượng phát sinh khoảng 179 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại để thu gom và xử lý.

b) Đối với nước thải từ hoạt động khai thác (nước mưa chảy tràn có kéo theo đất đá thải):

- Hệ thống thu gom, thoát nước:

+ Hệ thống mương thoát nước sườn phía Tây khai trường dẫn về hồ giảm tốc phía Tây Nam: Kết cấu mương đào hở, chiều dài 190 m.

+ Hệ thống mương thoát nước sườn phía Đông khai trường dẫn về hồ giảm tốc phía Đông Nam: Kết cấu mương đào hở, chiều dài 180 m.

+ Hệ thống mương thoát nước phía chân khai trường và xung quanh sân công nghiệp dẫn về hồ lắng: Kết cấu mương đào hở, chiều dài 680 m (đoạn ngang qua đường có lắp đặt 03 cống tròn: đường kính 2 m, chiều dài 2,5 m).

+ Hệ thống mương thoát nước hai bên tuyến đường vận chuyển từ sân công nghiệp lên khai trường, chiều dài 1.114 m.

- Hồ lắng và hồ giảm tốc:

+ Hồ giảm tốc phía phía Tây Nam khai trường, tọa độ (1.546.217 - 599.464). Kết cấu hồ đào, gia cố đảm bảo, thể tích khoảng 128 m<sup>3</sup> (dài 16,0m x rộng 4,0m x sâu 2,0m).

+ Hồ giảm tốc phía phía Đông Nam khai trường, tọa độ (1.546.191 - 599.633). Kết cấu hồ đào được gia cố đảm bảo, thể tích khoảng 128 m<sup>3</sup> (dài 16,0 m x rộng 4,0m x sâu 2,0m).

+ Hồ lắng tại phía Nam Sân công nghiệp, tọa độ (1.546.070 - 599.531), thể tích khoảng 968 m<sup>3</sup> (dài 44,0m x rộng 11,0 m x sâu 2,0m). Kết cấu: hồ đào được gia cố đảm bảo, chia làm 02 ngăn; có hệ thống thu nước về hồ lắng. Nước sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (hệ số K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>f</sub> = 0,9).

+ Quy trình thu gom: nước mưa chảy tràn tại khu vực khai thác và sân công nghiệp → mương đào hở → hố giảm tốc → hồ lắng → suối cạn phía Nam dự án.

### 3.2. Về giảm thiểu bụi:

- Trên các tuyến đường vận chuyển đất, đá: Các xe vận chuyển được che phủ kín bằng bạt, không để đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; sử dụng xe chuyên dụng tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất, đá (có đi qua khu dân cư) với tần suất 02 lần/ ngày và tăng cường vào mùa nắng; định kỳ cải tạo, nâng cấp tuyến đường đảm bảo hoạt động giao thông trong khu vực.

- Tại khu vực khai thác, cưa xẻ đá và chế biến thủ công: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; phun nước giảm bụi tại các khu vực dễ phát sinh bụi.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường:

a) Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Bố trí các thiết bị thu gom và hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cát Tiên để thu gom, xử lý theo quy định.

b) Chất thải rắn sản xuất thông thường:

- Khu vực chứa đá vụn trong quá trình chế biến thủ công (diện tích 7.500 m<sup>2</sup>, được kè chắn đảm bảo).

- Bột đá trong quá trình cưa xẻ đá tại mỏ có tổng khối lượng khoảng 77,5 m<sup>3</sup>/năm. Phương pháp thu gom, xử lý như sau: Bố trí khu vực chứa bột đá tại khu vực sân công nghiệp (tọa độ: 1.546.184; 599.535), có dung tích chứa khoảng 2.040 m<sup>3</sup> (S=680 m<sup>2</sup>; H = 3 m). Kết cấu: Hố đào, có cos nền thấp hơn hiện trạng xung quanh khoảng 3 m, có bờ bao xung quanh để ngăn nước mưa chảy tràn xung quanh xâm nhập vào hồ; định kỳ đầm chặt, cô lập bằng lớp đất phủ. Thời gian sử dụng khu vực chứa bột đá khoảng 26 năm. Sau khi kết thúc lưu chứa, Công ty sẽ thực hiện san lấp bằng lớp đất phủ, phục hồi môi trường theo quy định.

### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Xây dựng khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại phía Đông Nam sân công nghiệp để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

### 3.5. Công trình lưu chứa đất bốc tầng phủ để phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường

Quy hoạch các bãi thải có kè chắn đảm bảo để chứa khoảng 54.800 m<sup>3</sup> phục vụ công tác phục hồi môi trường với tiến độ như sau:

- 01 bãi thải tại phía Đông Sân công nghiệp, diện tích khoảng 6.000 m<sup>2</sup>, bắt đầu xây dựng vào năm khai thác thứ 7.

- 01 bãi thải tại phía Tây Sân công nghiệp, diện tích khoảng 6.000 m<sup>2</sup>, bắt đầu xây dựng vào năm khai thác thứ 11.

- 01 bãi thải tại phía Tây Sân công nghiệp, diện tích khoảng 6.120 m<sup>2</sup>, bắt đầu xây dựng vào năm khai thác thứ 17.

### 3.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường (CTPHMT):

a) Thực hiện CTPHMT sau khi kết thúc khai thác với nội dung sau:

| TT | Tên công trình   | Khối lượng /Đơn vị       | Kết quả sau khi phục hồi môi trường  | Thời gian thực hiện và hoàn thành  |
|----|--|--------------------------|--|--|
| 1  | Lắp đặt biển báo   | 6 cái                    | Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác  | Trước khi khai thác  |
| 2  | San gạt mặt bằng khu vực dự án, hệ thống mương thoát nước                            | 53.415,21 m <sup>3</sup> | Đảm bảo địa hình sau kết thúc khai thác bằng phẳng, không tạo hố sâu cục bộ và tạo lớp đất màu có độ dày 0,7 m để tiến hành trồng rừng | Triển khai và hoàn thành sau 50 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác    |
| 3  | San lấp hồ lắng và hồ giảm tốc   | 1.346,4 m <sup>3</sup>   | Trả lại mặt bằng để trồng rừng   |  |
| 4  | Tháo dỡ kè chắn bãi thải   | 1.008 m <sup>3</sup>     | Trả lại hiện trạng để trồng rừng   | Triển khai và hoàn thành sau 20 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác    |
| 5  | Tháo dỡ, cạy bẫy đá treo còn sót lại trên sườn tầng                                  | 554,5 m <sup>3</sup>     | Đưa các sườn tầng về trạng thái an toàn  |  |
| 6  | Tháo dỡ công trình dân dụng ( <i>nhà làm việc, nhà nghỉ công nhân, nhà ăn,...</i> ). | 516,3 m <sup>2</sup>     | Trả lại hiện trạng ban đầu   | Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác mở |
| 7  | Tháo dỡ trạm biến áp, đường dây  | 01 hệ thống              |  |  |
| 8  | Trồng rừng phục hồi môi trường (trừ diện tích Hòn đá Đại Hàn không tác động)         | 7,4 ha                   | Phủ xanh khu vực khai thác và sân công nghiệp  | Thực hiện sau khi kết thúc khai thác.                                      |
| 9  | Đo vẽ bản đồ địa hình  | 7,82 ha                  | - Giám sát cos kết thúc khai thác.<br>- Lập bản đồ địa hình sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường                    | Đo vẽ hàng năm và sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường  |

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **2.407.496.000 đồng** (Hai tỷ, bốn trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 26 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 361.121.000 đồng. Tuy nhiên, theo Giấy xác nhận số 265/GXN-QBVM ngày 30/12/2020 của Quỹ Bảo vệ môi trường thì số tiền chủ dự án đã nộp ký quỹ cho dự án theo Giấy phép số 71/GP-UBND ngày 29/6/2011 đủ đến năm 2020 là 228.553.002 đồng; do vậy, sau khi khấu trừ vào số tiền đã

nộp theo Giấy phép số 71/GP-UBND thì số tiền Công ty phải ký quỹ trong năm đầu tiên là 132.567.998 đồng. Thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Các lần còn lại, số tiền: 81.855.000 đồng/lần ký quỹ. Thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án**

- Nhà vệ sinh có hầm tự hoại.
- Thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt.
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.
- Hệ thống mương thoát nước về hồ giảm tốc và hồ lắng.
- Hồ lắng phía Nam sân công nghiệp.
- Hồ giảm tốc phía Tây Nam khai trường.
- Hồ giảm tốc phía Đông Nam khai trường.
- Bãi thải lưu chứa đá vụn trong quá trình chế biến thủ công.
- Các bãi lưu chứa đất bốc tầng phủ phục vụ hoàn thổ phục hồi môi trường.
- Khu vực lưu chứa bột đá.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

5.1. Giám sát nước thải: Giám sát nước thải đầu ra tại hồ lắng phía Nam sân công nghiệp, với các thông số lấy mẫu giám sát là: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số  $K_q=0,9$  và  $K_f = 0,9$ ); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm tại văn phòng làm việc; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát sự cố sa bồi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh khu vực dự án: giám sát thường xuyên vào mùa mưa.